



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ**

**Báo cáo tài chính
đã được kiểm toán**

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày
31/12/2013*

SVC SVC SVC SVC SVC S
VC SVC SVC SVC SVC SVC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Hội Đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 8
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Sắt Trùng Cần Thơ (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông: Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch HĐQT
- Ông: Bùi Anh Dũng	Thành viên
- Ông: Phan Đăng Trúc	Thành viên
- Ông: Võ Việt Thanh	Thành viên
- Ông: Phan Văn Mưa	Thành viên

Trong năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông: Nguyễn Văn Thái	Trưởng ban kiểm soát
- Ông: Dương Minh Thành	Thành viên
- Ông: Hồ Văn Hỷ	Thành viên

Trong năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông: Nguyễn Văn Trung	Tổng Giám đốc

Trong năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban Tổng giám đốc.

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800457478 đăng ký lần đầu ngày 27/05/2002 và thay đổi lần thứ 7 ngày 18/06/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại;
- Nhập khẩu kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh thuốc và hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh thủy sản làm giống, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại.

6. Mã chứng khoán niêm yết tại HNX: CPC

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 25.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.573.422.520 VND
- Lợi nhuận khác	1.612.024.798 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.185.447.318 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.298.180.209 VND
- Lợi nhuận sau thuế	13.887.267.109 VND

Năm 2013, Công ty đã hết thời gian được ưu đãi miễn giảm thuế TNDN và là năm cuối cùng Công ty được áp dụng là mức thuế suất ưu đãi 15%. Riêng các khoản thu nhập từ hoạt động thương mại và hoạt động khác vẫn chịu thuế suất phổ thông 25%.

Doanh thu thuần năm 2013 giảm so với năm 2012 số tiền 20.777.494.405 đồng, tương đương 9,27%. Tuy nhiên, việc sụt giảm doanh thu nêu trên không làm lợi nhuận kế toán trước thuế sụt giảm do Công ty tiết giảm chi phí đầu vào làm cho giá thành sản xuất giảm, đặc biệt là giảm khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá hối đoái năm 2013 so với năm 2012 là 4.741.336.054 đồng, tương đương 63,88%. Chính vì vậy, lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013 tăng so với năm 2012 là 1.300.702.145 đồng, tương đương 8,19%.

Mặc dù vậy, năm 2014 Công ty xác định vẫn còn trong giai đoạn kinh tế khó khăn và bất ổn. Trong tình hình cạnh tranh khốc liệt hiện nay, Công ty vẫn đang ra sức tiết kiệm chi phí, tận dụng mọi nguồn lực để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

10. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty.

11. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn tài chính nêu trên được thể hiện trong báo cáo này không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối niên độ tài chính cho đến ngày lập báo cáo này.

Cũng theo ý kiến của Hội đồng quản trị, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Vào ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2014



NGUYỄN VĂN TRUNG



Số: 16/2014/SVCT - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 01 năm 2014 từ trang 6 đến trang 25 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuộc Sắt Trùng Cần Thơ tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0325-2013-107-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, CN Cần Thơ

Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Đặng Thị Thiên Nga

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2013-107-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115.654.765.395	97.152.468.208
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>15.138.256.800</i>	<i>25.261.282.335</i>
1. Tiền	111		1.638.256.800	1.796.487.814
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.500.000.000	23.464.794.521
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.2</i>	<i>41.086.695.163</i>	<i>19.296.856.900</i>
1. Phải thu khách hàng	131		33.834.268.208	18.476.699.100
2. Trả trước cho người bán	132		1.796.727.875	1.718.157.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6.455.699.080	102.000.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.3</i>	<i>58.936.583.718</i>	<i>51.772.094.859</i>
1. Hàng tồn kho	141		58.936.583.718	51.772.094.859
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>493.229.714</i>	<i>822.234.114</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	457.259.598
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<i>V.4</i>	493.229.714	364.974.516
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.016.487.046	14.757.051.897
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>13.701.081.552</i>	<i>11.614.429.311</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.5</i>	12.905.820.970	10.284.674.824
- Nguyên giá	222		38.822.667.989	35.378.097.543
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.916.847.019)	(25.093.422.719)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.6</i>	58.308.332	87.444.488
- Nguyên giá	228		345.680.800	345.680.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(287.372.468)	(258.236.312)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>V.7</i>	736.952.250	1.242.309.999
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>3.315.405.494</i>	<i>3.142.622.586</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<i>V.8</i>	3.315.405.494	3.142.622.586
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		132.671.252.441	111.909.520.105

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÂN THƠ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số : B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.290.897.791	34.365.858.370
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		52.610.897.791	33.685.858.370
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	39.175.301.091	19.753.441.972
2. Phải trả người bán	312	V.10	2.566.525.617	2.530.617.124
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	218.831.614	1.297.073.751
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.638.922.234	1.370.459.628
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.12	5.098.344.025	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	369.622.890	7.798.347.502
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.543.350.320	935.918.393
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		680.000.000	680.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.14	680.000.000	680.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		79.380.354.650	77.543.661.735
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.15	79.380.354.650	77.543.661.735
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.030.500.000	43.030.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.291.518.300	8.291.518.300
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		10.861.176.032	7.640.739.142
4. Cổ phiếu quỹ	414		(4.000.872.355)	(4.000.872.355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	1.274.397.561
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.303.050.000	4.303.050.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.894.982.673	17.004.329.087
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		132.671.252.441	111.909.520.105

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
_ USD		1.511,23	1.567,25
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Duy Linh
Người lập



Quách Thị Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trung
Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 16 tháng 01 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG SÁI TRỪNG CẦN THƠ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Lời kết từ đầu năm đến cuối quý này
 2013 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2013	Quý IV năm 2012	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		63.966.479.814	52.722.468.927	205.991.745.033	226.114.154.219
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.198.939.619	408.854.400	2.638.939.619	1.983.854.400
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	61.767.540.195	52.313.614.527	203.352.805.414	224.130.299.819
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	46.772.828.612	42.795.636.953	164.147.227.156	189.782.152.357
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	14.994.711.583	9.517.977.574	39.205.578.258	34.348.147.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	1.161.885.716	1.935.012.490	3.093.111.912	8.793.071.497
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	1.384.058.300	1.078.318.256	4.071.302.805	9.060.613.057
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		466.898.547	252.295.439	1.390.373.636	1.638.347.834
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	3.132.038.323	3.012.572.912	10.799.112.555	10.106.165.398
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	4.562.670.088	2.776.422.694	11.854.852.290	7.944.086.682
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.077.830.888	4.585.676.202	15.573.422.520	16.030.353.822
11. Thu nhập khác	31	VI.6	752.642.785	873.021.242	1.644.500.573	1.003.768.283
12. Chi phí khác	32	VI.7	32.005.671	43.128.372	32.475.775	1.149.376.932
13. Lợi nhuận khác	40		720.637.114	829.892.870	1.612.024.798	(145.608.649)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	7.798.467.702	5.415.569.072	17.185.447.318	15.884.745.173
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	951.435.305	284.317.375	3.298.180.209	1.287.974.016
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	6.847.032.397	5.131.251.697	13.887.267.109	14.596.771.157
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.678	1.193	3.403	3.392



(Signature)

Nguyễn Duy Linh
 Người lập

Quách Thị Thủy
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung
 Tổng Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 16 tháng 01 năm 2014

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	199.779.880.434	235.559.878.435
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(195.176.699.232)	(178.731.909.075)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.945.695.179)	(13.661.612.787)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.390.373.636)	(1.662.787.566)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.591.709.340)	(2.923.044.990)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.717.901.719	6.070.146.736
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.223.750.806)	(26.112.332.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(23.830.446.040)	18.538.338.265
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(787.473.757)	(742.257.789)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(160.070.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	165.570.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.168.915.016	1.642.570.726
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	381.441.259	6.400.312.937
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	124.813.146.206	120.900.588.473
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(105.419.449.499)	(115.379.094.231)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.667.650.835)	(8.885.664.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.726.045.872	(3.364.170.480)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.722.958.909)	21.574.480.722
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.261.282.335	3.969.339.740
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.599.933.374	(282.538.127)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.138.256.800	25.261.282.335



Nguyễn Duy Linh
Người lập



Quách Thị Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trung
Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 16 tháng 01 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1462/QĐ – CT.UB ngày 26/04/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND thành phố Cần Thơ) và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800457478 đăng ký lần đầu ngày 27/05/2002 và thay đổi lần thứ 7 ngày 18/06/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 43.030.500.000, tương ứng 4.303.050 phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 và theo tỷ lệ như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty TNHH TMDV Thanh Sơn Hóa Nông	710.010	7.100.100.000	16,50%
- Cổ đông khác	3.593.040	35.930.400.000	83,50%
Cộng	4.303.050	43.030.500.000	100,00%

Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2013 là 43.030.500.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại;
- Nhập khẩu kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh thuốc và hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh thủy sản làm giống, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm 2013 được bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 31/12/2013.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày báo cáo tài chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 179/2013/TT - BTC ngày 24/10/2013 của Bộ Tài Chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tuy nhiên, giá nhập kho của Công ty chỉ bao gồm giá mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối kỳ kế toán, Công ty không có hàng lỗi thời, chậm luân chuyển và kém, mất phẩm chất cần lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT – BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị quản lý	03 năm

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty không có số dư đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2013, không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí thực tế như: chi phí sửa chữa lớn, chi phí công cụ dụng cụ... đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

Tháng 9 năm 2008, Công ty tiến hành thuê đất và cơ sở hạ tầng của Công ty xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ để thực hiện Dự án "Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản". Tuy nhiên, đến nay, Dự án vẫn chưa được triển khai và công chưa có đơn xin gia hạn theo yêu cầu của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tại Công văn số 320/BQL – ĐT ngày 02/11/2011. Tổng chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng của Dự án này tính đến thời điểm 31/12/2013 là 3.163.487.586 và đang được theo dõi ở khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn"

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương năm 2013 theo Thỏa ước lao động tập thể. Trong năm 2013, Công ty đã trích quỹ lương vào chi phí kinh doanh là 11.723.935.479.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế đã phát hành và mệnh giá cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

11. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thế hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2013, Công ty đã hết thời gian được ưu đãi miễn giảm thuế TNDN và là năm cuối cùng Công ty được áp dụng là mức thuế suất ưu đãi 15%.

12. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Mỹ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Khoản mục	31-12-2013		01-01-2013
Tiền mặt	114.933.000		56.280.000
Tiền gửi ngân hàng	1.523.323.800	(a)	1.740.207.814
Các khoản tương đương tiền	13.500.000.000	(b)	23.464.794.521
Cộng	15.138.256.800		25.261.282.335

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2013 như sau:

Ngân hàng	USD	Tương đương		Tổng cộng
		VND	VND	VND
- Agribank, CN. Cần Thơ	-	-	438.468.647	438.468.647
- ABbank, CN. Cần Thơ	-	-	67.185.180	67.185.180
- Vietcombank, CN Tây Đô	709,94	14.934.298	355.477.362	370.411.660
- HSBC, CN. Cần Thơ	-	-	166.320.114	166.320.114
- Sacombank, CN Cần Thơ	603,37	12.671.455	207.768.509	220.439.964
- Các ngân hàng khác	197,92	4.184.481	256.313.754	260.498.235
Cộng	1.511,23	31.790.234	1.491.533.566	1.523.323.800

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2013 như sau:

Ngân hàng	USD	Tương đương		Tổng cộng
		VND	VND	VND
- Sacombank, CN. Cần Thơ	-	-	8.500.000.000	8.500.000.000
- Tien Phong Bank, CN. Cần Thơ	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- HSBC, CN. Cần Thơ	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	-	-	13.500.000.000	13.500.000.000

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản mục	31-12-2013		01-01-2013
Phải thu khách hàng	33.834.268.208	(c)	18.476.699.100
Trả trước cho người bán	1.796.727.875	(d)	1.718.157.800
Các khoản phải thu khác	6.455.699.080	(e)	102.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.000.000.000)	(c)	(1.000.000.000)
Cộng	41.086.695.163		19.296.856.900

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2013 như sau:

<u>Khách hàng</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Nợ khó đòi đã trích lập dự phòng</u>
- Công ty TNHH TMDV Hằng Duy	7.151.134.856	-
- Cửa hàng VTNN Trường Sơn	2.986.147.578	-
- Cửa hàng VTNN Võ Hoàng Dũng	4.941.626.457	-
- DNTN Quý Hằng	2.277.482.061	-
- Đại lý VTNN Năm Kiêm	1.297.040.350	-
- Đại lý VTNN Phạm Trường Giang	3.286.326.733	-
- Đại lý VTNN Tích Thảo (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải thu khách hàng khác	10.894.510.173	-
Cộng	33.834.268.208	1.000.000.000

(*) Hiện nay, chủ Đại lý vật tư nông nghiệp Tích Thảo đã chết và khoản nợ này khó thu hồi đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2013 như sau:

<u>Nhà cung cấp</u>	<u>Số tiền</u>
- Công ty TNHH Sx – TM Nhựa Cường Phát	133.974.000
- Công ty TNHH SX – TM – DV Ngọc Thành	116.500.000
- Nguyễn Văn Giới (Chuyển nhượng QSDĐ)	1.400.820.000
- Trả trước nhà cung cấp khác	145.433.875
Cộng	1.796.727.875

(e) Chi tiết số dư trả các khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2013 như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Số tiền</u>
- Công ty TNHH Dupont Việt Nam	6.181.950.441
- Lê Chí Thanh	185.748.639
- Phải thu khác	88.000.000
Cộng	6.455.699.080

3. Hàng tồn kho

<u>Khoản mục</u>	<u>31-12-2013</u>	<u>01-01-2013</u>
Nguyên vật liệu tồn kho	38.225.996.895 (f)	28.436.333.157
Thành phẩm tồn kho	15.091.684.439 (g)	14.521.114.440
Hàng hóa tồn kho	5.618.902.384 (h)	8.814.647.262
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	58.936.583.718	51.772.094.859

(f) Chi tiết số dư nguyên vật liệu tồn kho vào ngày 31/12/2013 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Nguyên vật liệu chính – Thuốc BVTV	32.488.124.536
- Nguyên vật liệu chính – Nhựa	672.745.315
- Nguyên vật liệu chính – Bao bì, nhãn	5.065.127.044
Cộng	38.225.996.895

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(g) Chi tiết số dư thành phẩm tồn kho vào ngày 31/12/2013 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Thuốc bảo vệ thực vật do Công ty sản xuất	15.091.684.439
Cộng	15.091.684.439

(h) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho vào ngày 31/12/2013 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Thuốc bảo vệ thực vật nhập mua từ Dupont	5.618.902.384
Cộng	5.618.902.384

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Giá trị hàng tồn kho đã dùng để thế chấp các khoản nợ phải trả: không có
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

4. Tài sản ngắn hạn khác

<u>Khoản mục</u>	<u>31-12-2013</u>	<u>01-01-2013</u>
Tạm ứng	493.229.714	364.974.516
Cộng	493.229.714	364.974.516

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>01-01-2013</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>31-12-2013</u>
Nguyên giá	35.378.097.543	5.831.420.891	2.386.850.445	38.822.667.989
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14.840.946.943	2.088.951.727	92.063.308	16.837.835.362
- Máy móc thiết bị	10.268.888.135	1.418.747.164	740.718.676	10.946.916.623
- Phương tiện vận tải	9.810.039.527	2.291.449.273	1.235.540.823	10.865.947.977
- Thiết bị quản lý	458.222.938	32.272.727	318.527.638	171.968.027
Hao mòn lũy kế	25.093.422.719	3.139.297.084	2.315.872.784	25.916.847.019
- Nhà cửa, vật kiến trúc	12.256.365.455	990.982.687	66.055.307	13.181.292.835
- Máy móc thiết bị	7.515.282.079	560.619.330	758.658.386	7.317.243.023
- Phương tiện vận tải	4.952.333.227	1.547.157.723	1.223.116.251	5.276.374.699
- Thiết bị quản lý	369.441.958	40.537.344	268.042.840	141.936.462
Giá trị còn lại	10.284.674.824			12.905.820.970
- Nhà cửa, vật kiến trúc	2.584.581.488			3.656.542.527
- Máy móc thiết bị	2.753.606.056			3.629.673.600
- Phương tiện vận tải	4.857.706.300			5.589.573.278
- Thiết bị quản lý	88.780.980			30.031.565

- Giá trị của TSCĐ đã dùng để thế chấp cầm cố các khoản nợ vay: 12.918.245.541
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.222.866.986
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2013 chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2013 như sau:

	Số tiền
- Máy đóng gói bột hàn 3 mặt	649.010.800
- Khu xử lý nước thải	1.358.409.999
- Kho chứa nguyên liệu	604.882.728
- Máy nén khí	296.100.000
- Xe Ô tô Vios	372.300.000
- Xe Ô tô Sunny XL Nissan	553.650.909
- Xe Ô tô bán tải Isuzu	598.069.273
- Xe Ô tô Ford Transit	767.429.091
- Hệ thống sắt kỹ khí	473.636.364
- Các TSCĐ khác	157.931.727
Cộng	5.831.420.891

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong 6 tháng đầu năm 2013 như sau:

	Số tiền
- Thanh lý xe Ô tô Inova	441.874.150
- Thanh lý xe Ô tô Zace	365.265.181
- Thanh lý xe Ford Transit	428.401.492
- Điều chuyển sang CCDC theo Thông tư số 45/2013/TT - BTC	1.151.309.622
Cộng	2.386.850.445

6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	01-01-2013	Tăng	Giảm	31-12-2013
Nguyên giá	345.680.800	-	-	345.680.800
- Quyền sử dụng đất	200.000.000	-	-	200.000.000
- Phần mềm kế toán	145.680.800	-	-	145.680.800
Hao mòn lũy kế	258.236.312	29.136.156	-	287.372.468
- Quyền sử dụng đất	200.000.000	-	-	200.000.000
- Bản quyền nhân thuốc	58.236.312	29.136.156	-	87.372.468
Giá trị còn lại	87.444.488			58.308.332
- Quyền sử dụng đất	-			-
- Bản quyền nhân thuốc	87.444.488			58.308.332

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	31-12-2013	01-01-2013
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	736.952.250 (i)	1.242.309.999
Cộng	736.952.250	1.242.309.999

(i) Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Chi phí xây dựng thùng trộn bột	273.500.000
- Chi phí xây dựng phần mềm kế toán	463.452.250
Cộng	736.952.250

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	31-12-2013	01-01-2013
Chi phí trả trước dài hạn	3.315.405.494 (j)	3.142.622.586
Cộng	3.315.405.494	3.142.622.586

(j) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Chi phí thuê đất (*)	3.163.487.586
- Chi phí CCDC chờ phân bổ	151.917.908
Cộng	3.315.405.494

(*) Tháng 9 năm 2008, Công ty tiến hành thuê đất và cơ sở hạ tầng của Công ty xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ để thực hiện Dự án "Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản". Tuy nhiên, đến nay, Dự án vẫn chưa được triển khai và cũng chưa có đơn xin gia hạn theo yêu cầu của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tại Công văn số 320/BQL – ĐT ngày 02/11/2011. Hiện nay, Công ty đang tìm phương án kinh doanh khác để đầu tư xây dựng trên diện tích đất đã thuê này.

9. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

Khoản mục	31-12-2013	01-01-2013
Vay và nợ ngắn hạn	39.175.301.091 (k)	19.753.441.972
Cộng	39.175.301.091	19.753.441.972

(k) Chi tiết số dư khoản vay ngắn hạn vào ngày 31/12/2013 như sau:

Ngân hàng	USD	Tương đương VND	VND	Tổng cộng
- Vietcombank, CN Cần Thơ	-	-	12.751.954.760	12.751.954.760
- VIB, CN Cần Thơ	-	-	1.060.655.943	1.060.655.943
- Indovina, CN Cần Thơ	-	-	2.773.370.884	2.773.370.884
- HSBC, CN Cần Thơ	1.071.409.00	22.589.319.504	-	22.589.319.504
Cộng	1.071.409.00	22.589.319.504	16.585.981.587	39.175.301.091

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

Khoản mục	31-12-2013	01-01-2013
Phải trả người bán	2.566.525.617 (l)	2.530.617.124
Người mua trả tiền trước	218.831.614 (m)	1.297.073.751
Cộng	2.785.357.231	3.827.690.875

(l) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2013 như sau:

Nhà cung cấp	Số tiền
- Công ty TNHH Công thương Hoa Mai	150.776.120
- Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu Việt Nam	110.087.098
- Công ty TNHH TM – DV – TT Bảo bì Hóa chất	270.000.000
- Wenzhou Foreign Trade Industrial Product Co., Ltd (69.660,00 USD)	1.468.781.100
- Các nhà cung cấp khác	566.881.299
Cộng	2.566.525.617

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(m) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2013 như sau:

<u>Khách hàng</u>	<u>Số tiền</u>
- Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Hội Nhập	97.189.440
- Công ty TNHH TM – DV Thành Huyền	80.916.774
- Các khách hàng khác	40.725.400
Cộng	218.831.614

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

<u>Khoản mục</u>	<u>31-12-2013</u>	<u>01-01-2013</u>
- Thuế GTGT	448.033.617	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	169.331.640
- Thuế TNDN	2.184.983.817	1.195.388.124
- Thuế TNCN	5.904.800	5.739.864
Cộng	2.638.922.234	1.370.459.628

12. Chi phí phải trả

<u>Khoản mục</u>	<u>31-12-2013</u>	<u>01-01-2013</u>
- Chi phí phải trả	5.098.344.025 (n)	-
Cộng	5.098.344.025	-

(n) Chi tiết số dư chi phí phải trả vào ngày 31/12/2013 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Chiết khấu thương mại phải trả (Hàng Dupont)	3.417.329.595
- Chiết khấu thương mại phải trả (Hàng CPC)	1.450.977.982
- Chi phí phải trả khác	230.036.448
Cộng	5.098.344.025

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

<u>Khoản mục</u>	<u>31-12-2013</u>	<u>01-01-2013</u>
- Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	369.622.890 (o)	7.798.347.502
Cộng	369.622.890	7.798.347.502

(o) Chi tiết số dư khoản phải trả khác vào ngày 31/12/2013 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- KPCĐ	54.280.800
- BHXH thành phố Cần Thơ	48.119.300
- Thuế TNCN phải trả CBCNV	261.819.230
- Phải trả khác	5.403.560
Cộng	369.622.890



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Phải trả dài hạn khác

Khoản mục	31-12-2013	01-01-2013
- Các khoản phải trả dài hạn khác	680.000.000 (p)	680.000.000
Cộng	680.000.000	680.000.000

(p) Chi tiết số dư khoản phải trả dài hạn khác vào ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Nhận ký quỹ từ các đại lý	680.000.000
Cộng	680.000.000

15. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	01/01/2013	Tăng	Giảm	31/12/2013
- Vốn đầu tư của CSH	43.030.500.000	-	-	43.030.500.000
- Thặng dư vốn cổ phần	8.291.518.300	-	-	8.291.518.300
- Vốn khác của CSH	7.640.739.142	3.220.436.890	-	10.861.176.032
- Cổ phiếu quỹ	(4.000.872.355)	-	-	(4.000.872.355)
- Quỹ đầu tư phát triển	1.274.397.561	1.472.753.629	2.747.151.190	-
- Quỹ dự phòng tài chính	4.303.050.000	-	-	4.303.050.000
- LN sau thuế chưa PP	17.004.329.087	13.887.267.109	13.996.613.523	16.894.982.673
Cộng	77.543.661.735	18.580.457.628	16.743.764.713	79.380.354.650

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
 Số lượng cổ phiếu quỹ: 221.600

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty TNHH TMDV Thanh Sơn Hóa Nông	710.010	7.100.100.000	16,50%
- Cổ đông khác	3.593.040	35.930.400.000	83,50%
Cộng	4.303.050	43.030.500.000	100,00%

(b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	43.030.500.000	43.030.500.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	43.030.500.000	43.030.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.667.650.835	8.533.870.300

(c) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Chưa công bố
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: chưa công bố
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thế hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(d) **Cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.303.050	4.303.050
- Số lượng CP đã được PH và góp vốn đầy đủ	4.303.050	4.303.050
▪ Cổ phiếu thường	4.303.050	4.303.050
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	221.600	221.600
▪ Cổ phiếu thường	221.600	221.600
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.081.450	4.081.450
▪ Cổ phiếu thường	4.081.450	4.081.450
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

Khoản mục	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Doanh thu bán thành phẩm	165.992.855.015	128.497.490.412	37.495.364.603	22,59%
- Doanh thu bán hàng hóa	31.321.271.677	30.399.720.020	921.551.657	2,94%
- Doanh thu gia công	4.675.037.431	4.591.731.910	83.305.521	1,78%
- Doanh thu khác	1.363.641.291	658.284.814	705.356.477	51,73%
Cộng	203.352.805.414	164.147.227.156	39.205.578.258	19,28%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.159.226.331	1.642.578.397
- Lãi CLTG hồi đoái	1.933.885.581	7.150.493.100
Cộng	3.093.111.912	8.793.071.497

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.390.373.636	1.638.347.834
- Lỗ CLTG hồi đoái	2.680.929.169	7.422.265.223
Cộng	4.071.302.805	9.060.613.057

4. Chi phí bán hàng

Khoản mục	Năm nay
- Chi phí nhân viên bán hàng	3.748.744.344
- Chi phí đồ dùng	68.214.866
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.054.658.479
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.402.935.378
- Chi phí bằng tiền khác	3.524.559.488
Cộng	10.799.112.555

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.256.697.100
- Chi phí vật liệu quản lý	5.130.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	115.422.116
- Chi phí khấu hao TSCĐ	183.225.990
- Thuế, phí và lệ phí	343.225.843
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.199.274.800
- Chi phí bằng tiền khác	1.751.876.441
Cộng	11.854.852.290

6. Thu nhập khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Thu thanh lý tài sản cố định	863.545.454
- Xử lý hàng thừa kiểm kê	139.423.059
- Được tài trợ bởi tổ chức Giz (xử lý rác)	631.047.600
- Thu khác	10.484.460
Cộng	1.644.500.573

7. Chi phí khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Xử lý hàng thiếu kiểm kê	31.619.719
- Phạt vi phạm về thuế	-
- Chi phí khác	856.056
Cộng	32.475.775

8. Phân phối lợi nhuận

<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2013</i>	17.004.329.087
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013</i>	17.185.447.318
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	3.298.180.209
<i>Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2013</i>	13.887.267.109
Chi các khoản thuế bị truy thu các năm trước	631.306.170
Trích vốn khác của CSH từ khoản được nhận tài trợ năm 2013	473.285.700
Trích quỹ ĐTPT từ lợi nhuận sau thuế năm 2012	1.472.753.629
Trích Quỹ KTPL từ lợi nhuận sau thuế năm 2012	2.458.430.869
Chi thù lao HĐQT và BKS	293.186.320
Chia cổ tức năm 2012	8.667.650.835
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2013</i>	16.894.982.673

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÂN THỌ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.

2. Những thông tin về hoạt động liên tục: Công ty hoạt động liên tục trong tương lai
3. Thông tin về các bên liên quan: không có
4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa sử dụng nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình tại Thuyết minh số V.9 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông Công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại mục IV của Thuyết minh báo cáo tài chính này.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong các lĩnh vực kinh doanh của Công ty, hoạt động xuất nhập khẩu chịu nhiều rủi ro khi có biến động về tỷ giá ngoại hối. Công ty đã thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá ngoại hối thông qua các biện pháp tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, lựa chọn thời điểm thích hợp mua và thanh toán các khoản ngoại tệ để cân bằng giữa rủi ro thanh toán và rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác.

5. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Mỹ.

6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
1. Bối trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bối trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản lưu động/ Tổng số Tài sản	%	87,17	86,81
- Tài sản cố định/ Tổng số Tài sản	%	12,83	13,19
1.2 Bối trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	40,17	30,71
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	59,83	69,29
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,49	3,26
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,20	2,88
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,29	0,75
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	8,26	6,79
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	6,67	6,24
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	12,95	14,19
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	10,47	13,04
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	17,49	18,82

Cần Thơ, ngày 16 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

NGUYỄN DUY LINH

Kế toán trưởng

QUÁCH THỊ THÚY

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN TRUNG